TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/HS-ST
Ngày: 29 - 11 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Mai Văn Chất.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/2024/TLST - HS ngày 30 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm I, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Y và bà Trương Thị L. Bị cáo có vợ là Hoàng Thị L1 (đã ly hôn) và có hai con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án: Không

Tiền sư: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 340 ngày 06/12/2021 của Công an huyện K xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi "Xâm hại sức khoẻ của người khác". Hiện chưa thi hành

Lịch sử bản thân: Bản án số 19/2021/HSST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 tháng tù và 200.000 đồng án phí về tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 08/6/2021 chấp hành xong án phí, ngày 11/9/2021 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 09/9/2024, chuyển tạm giam từ ngày 12/9/2024 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện K. Ngày 20/9/2024 chuyển đến tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh N; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Xóm I, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người chứng kiến*:

+ Anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn L3. Những người chứng kiến vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do là người nghiện và có nhu cầu sử dụng ma túy, buổi sáng ngày 09/9/2024, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BKS 35FA-8286 từ nhà đến khu V thuộc xóm A, xã H, huyện K. Tại đây, T gặp, hỏi và mua được của 01 người đàn ông không quen biết 02 gói ma túy với giá 400.000 đồng, sau đó Thuỷ cầm trong lòng bàn tay phải đi về nhà. Đến 09 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến đoạn đường thuộc xóm A, xã Â, huyện K thấy vắng người nên T dừng lại lấy gói ma túy ra để kiểm tra thì bị Tổ công tác của Công an huyện K phối hợp với Công an xã Â đang làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên tay phải T 02 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng có dòng kẻ, đồng thời tạm giữ 01 xe mô tô BKS 35FA-8286.

Tiến hành mở niêm phong 02 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng có khối lượng 0,18 gam (ký hiệu M) để trưng cầu giám định.

Tại kết luận giám định số 782/KL-KTHS-MT ngày 12/9/2024 của phòng KTHS - Công an tỉnh N kết luận: Mẫu gửi giám định kí hiệu M có khối lượng 0,1816 gam, là ma túy, loại Heroine.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 84/CT-VKS - KS ngày 29/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội:"Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 (*mười tám*) đến 21 (*hai mươi mốt*) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 09/09/2024.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: một phong bì niêm phong ghi số 782/ KL – KTHS – MT. Bên trong có toàn bộ số ma túy hoàn trả sau khi giám định có khối lượng 0,1326 gam là ma túy loại Heroine.

01 phong bì niêm phong bên trong có 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 02 mảnh giấy trắng có dòng kẻ.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T do bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai tại phiên toà của bị cáo Nguyễn Văn T như nội dung bản cáo trạng, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với biên bản về việc thu giữ và niêm phong vật chứng lập hồi 9 giờ 35 phút ngày 09 tháng 09 năm 2024; Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 09 tháng 09 năm 2024 và phù hợp kết luận giám định cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Hồi 09 giờ 30 phút ngày 09/9/2024, tại khu vực đường thuộc xóm A, xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Nguyễn Văn T có hành vi cất giữ trái phép trong người 0,1816 gam Heroine để sử dụng cho bản thân.

Heroin là chất ma túy thuộc bảng danh mục IA, số thứ tự 9 ban hành kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ –CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính Phủ.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

"Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

..."

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý, sản xuất kinh doanh một số loại hàng cấm, trong đó có chất ma túy. Mặt khác hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội và việc quản lý kinh tế tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ ma túy là mặt hàng nhà nước cấm tàng trữ, sử dụng và mua bán nhưng vì nhu cầu sử dụng cho bản thân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cai nghiện, học tập thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội để phục vụ cho nhu cầu nghiện ma túy của bản thân, bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo khai mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực Nghĩa trang thuộc xóm A, xã H, huyện K. Bản thân bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ của người này, nếu gặp lại cũng không nhận dạng được. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K chưa đủ căn cứ để xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K đã trả xe mô tô BKS 35FA-8286 thu giữ của T cho anh Nguyễn Văn L2 là chủ sở hữu hợp pháp của xe, anh L2 không biết T mượn xe để đi mua ma túy. Việc Cơ quan CSĐT đã trả xe mô tô cho anh L2 đã đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Những vật chứng còn lại của vụ án căn cứ vào Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS xử lý như sau:

Toàn bộ số ma túy còn lại sau khi giám định có khối lượng 0,1326 gam là ma túy loại Heroine và toàn bộ bao gói niêm phong được niêm phong trong một phong bì ghi số 782/ KL – KTHS – MT cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

01 phong bì niêm phong bên trong có 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 02 mảnh giấy trắng có dòng kẻ cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên do bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên,Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 18 (*mười tám*) tháng tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 09 tháng 09 năm 2024.

2.Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy còn lại sau khi giám định có khối lượng 0,1326 gam là ma túy loại Heroine và toàn bộ bao gói niêm phong được niêm phong trong một phong bì ghi số 782/ KL – KTHS – MT; 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 02 mảnh giấy trắng có dòng kẻ.

(*Chi tiết vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/10/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K*).

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2024). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Khanh

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND huyện K: 02 bản
- Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình.
-. Cơ quan Điều tra CA huyện K : 01 bản
- Cơ quan THA hình sự CA huyện K : 01 bản.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Chi cục THA dân sự huyện K: 01 bản
- Bị cáo: 01 bản.
- Người có QLNVLQ đến vụ án: 01 bản
- Lưu hồ sơ: 01 bản.
- Lưu VP: 02 bản.